TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ - ST
Ngày 05 tháng 04 năm 2018
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng và bà Ngô Thị Vân Anh

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2017/TLST- HNGĐ ngày 17/11/2017 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T, sinh năm: 1982 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn É, xã X. T, huyện T. X, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Hà Thị T:

Ông: Trịnh Đình H - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Bị đơn: Anh Hà Văn T - Sinh năm: 1983 (*vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn É, xã X. T, huyện T. X, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Hà Văn Toàn:

Bà: Hà Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa. *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T chung sống với nhau vào ngày 01/01/2001, trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 26/5/2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Từ năm

2015 đến nay phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng luôn cãi cọ nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh T thường hay uống rượu về chửi bới, đánh đập chị T nhiều lần, gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ để sống từ tháng 10/2017 đến nay và cũng đó vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai cả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T có 02*(hai)* con chung là Hà Thị T, sinh ngày 11/2/2002 và cháu Hà Văn T, sinh ngày 02/02/2007. Vợ chồng ly hôn chị Tđề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một con, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung**.**

Tại các bản tự khai; các Biên bản hòa giải bị đơn anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn T đồng ý với phần trình bày của chị Hà T phần kết hôn.Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài là 13 năm. Đến năm 2015 thì chị T bỏ 03 bố con anh T đi làm ăn trong Miền nam đến tháng 6 năm 2017 mới về, thời gian vợ chồng ở gần nhau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cải cọ nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến chị T đã bỏ về bố mẹ đẻ để ở từ tháng 10/2017 cho đến nay, anh T lên đón chị T về sống cùng ba bố con nhưng chị T không về. Chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con ăn học.

Về con chung: Vợ chồng có 02 *(hai)* con chung như chị Thi trình bày là đúng thực tế, hiện nay hai cháu đang ở với anh Toàn, nếu chị Thi quyết tâm ly hôn thì anh Toàn đồng ý, anh Toàn xin nuôi cả hai con và yêu cầu chị Thi cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đ*(một triệu đồng)* trên một tháng, trên một cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của nguyên đơn chị Hà Thị T cho rằng:

Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có có 02 *(hai)* con chung là Hà Thị T, sinh ngày 11/2/2002 và cháu Hà Văn T, sinh ngày 02/02/2007. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh T, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét giải quyết mỗi người được nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của bị đơn anh Hà Văn T cho rằng:

Về hôn nhân: Anh T và chị T kết hôn là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị T và anh T đã sống ly thân nhau, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết chị T và anh T được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 *(hai)* con chung là Hà Thị T, sinh ngày 11/2/2002 và cháu Hà Văn T, sinh ngày 02/02/2007. Nguyện vọng của hai cháu là được ở với anh T, anh T có nguyện vọng được nuôi hai cháu và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cả 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền là 1.000.000đ/01 tháng/01cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Trường hợp vắng mặt anh Hà Văn T, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã Xuân Thắng huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.Tòa án xét thấy việc anh T vắng mặt tại phiên toà thuộc trường hợp bị đơn cố tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].*Về thủ tục tố tụng:* Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Hà Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị T là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh T đã kéo dài nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm sống, anh Tđi uống rượu về hay chửi bới, đánh đập chị T. Tại các biên bản hòa giải anh T cũng xác định anh và chị T có mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi cọ nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình nội, ngoại,Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể quay lại đoàn tụ được với nhau. Chị T và anh T đã ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Ngày 05/01/2018 chị T đã cung cấp cho Tòa án xác nhận về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[3].*Về con chung:* Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T có 02 *(hai)* con chung là Hà Thị T, sinh ngày 11/2/2002 và cháu Hà Văn T, sinh ngày 02/02/2007.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Hà Thị T và anh Hà Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng xin nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Hiện tại hai cháu Hà Thị T và cháu Hà Văn T đang trong độ tuổi đi học, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc ăn học cho cả hai cháu là trách nhiệm của bố, mẹ.Tuy nhiên hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh T, nhưng xét thấy việc giao cả hai cháu cho anh T nuôi dưỡng và chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Mặt khác chị T và anh T đều là người lao động có thu nhập ổn định, vì vậy căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GĐ năm 2014 giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Giao cháu Hà Thị T cho chị Hà Thị T nuôi dưỡng, giao cháu Hà Văn T cho anh Hà Văn T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**.**

[4].*Về tài sản chung; nợ chung:* Chị Hà Thị T và anh Hà Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Trường hợp anh Hà Văn T vắng mặt không có lý do Tòa án đã tống đạt, niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử xét xử vắng mặt anh Hà Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí:* Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147**;** điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 5; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Thi.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị T được ly hôn anh Hà Văn T.

- *Về con chung:* Giao cháu Hà Thị T, sinh ngày 11/2/2002 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Hà Văn T, sinh ngày 02/02/2007cho anh Hà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung; nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0003209 ngày 17/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

- *Quyền kháng cáo:* Chị Hà Thị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/4/2018). Anh Hà Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADSH.Thường Xuân;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Xuân Thắng;*
- *Trợ giúp viên pháp lý;*
- *Lưu HSVA.*

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Tâm